

SỞ GD VÀ ĐT TỈNH GIA LAI
TRUNG TÂM GDTX-GDTX TỈNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 325/BC-GDNNTX

Gia Lai, ngày 18 tháng 9 năm 2026

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
(Giáo dục thường xuyên)
Năm: 2026

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên tỉnh Gia Lai (Trung tâm).

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử)

- Cơ sở 1: 107A Thanh Niên, phường Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai

+ Điện thoại: 0256.3892319 - 3892053

- Cơ sở 2: Tổ 6, khu phố 5, phường Quy Nhơn Bắc, tỉnh Gia Lai

+ Điện thoại: 0256.2229239

- Cổng thông tin điện tử: <https://ttgdnngdtxgialai.edu.vn>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu; tên nhà đầu tư thành lập cơ sở giáo dục, thuộc quốc gia/ vùng lãnh thổ (đối với cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài); danh sách tổ chức và cá nhân góp vốn đầu tư (nếu có)

- Loại hình: Đơn vị Giáo dục công lập

- Cơ quan quản lý trực tiếp: Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Gia Lai

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

- Sứ mạng: Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên tỉnh có sứ mệnh cung cấp cơ hội học tập bình đẳng, đa dạng và linh hoạt cho mọi người dân; là cầu nối giữa giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và nhu cầu của xã hội. Trung tâm tổ chức các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng và năng lực nghề nghiệp; đồng thời hỗ trợ người học phát triển toàn diện về tri thức, đạo đức, sức khỏe và kỹ năng sống. Làm tốt vai trò là trung tâm học tập cộng đồng, góp phần xây dựng xã hội học tập, thúc đẩy học tập suốt đời, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và đất nước trong kỷ nguyên mới.

- Tầm nhìn: Xây dựng Trung tâm GDNN - GDTX tỉnh Gia Lai thành một Trung tâm đạt chuẩn về chất lượng, có uy tín và từng bước tiếp cận, hòa nhập với nền giáo dục hiện đại, đáp ứng nhu cầu học thường xuyên, học suốt đời của người dân.

- Hệ thống giá trị cơ bản: Tính kỷ luật; Tinh thần trách nhiệm; Tính sáng tạo; Tính trung thực; Sự hợp tác; Sự thân thiện; Tính đoàn kết và Khát vọng vươn lên.

- Mục tiêu: Là địa chỉ uy tín, tin cậy trong hệ thống giáo dục quốc dân của tỉnh, có nhiệm vụ đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của mọi đối tượng trong xã hội. Trung tâm tổ chức các chương trình giáo dục văn hóa, đào tạo nghề nghiệp và bồi dưỡng kỹ năng, chuyên môn, nghiệp vụ nhằm giúp người học nâng cao tri thức, hoàn thiện trình độ chuyên môn, năng lực nghề nghiệp, rèn luyện phẩm chất đạo đức, sức khỏe và kỹ năng sống. Trên cơ sở đó, Trung tâm góp phần nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực chất lượng, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

a) Lịch sử hình thành:

Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên tỉnh Gia Lai được thành lập tại Quyết định số 3412/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc thành lập Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên tỉnh Gia Lai trên cơ sở sáp nhập Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên tỉnh Gia Lai và Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Quy Nhơn.

- Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên tỉnh Gia Lai được thành lập theo Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh, trên cơ sở đổi tên từ Trung tâm GDNN - GDTX tỉnh Bình Định, là đơn vị được hợp nhất từ Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh và Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp tỉnh theo Quyết định số 1111/QĐ-UBND ngày 01/4/2025 của UBND tỉnh Bình Định.

- Trung tâm GDTX tỉnh: Tiền thân của Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Bình Định là Trường Quản lý kinh tế tại chức tỉnh Nghĩa Bình, được thành lập tại quyết định số: 216-ĐTTS/UB ngày 15/02/1977 của UBND tỉnh Nghĩa Bình. Từ tháng 7/1989 - 6/1989 là Trung tâm Đào tạo - Bồi dưỡng tại chức Bình Định. Từ 05/1992 - 04/1994 là Trường Hành chính - Kinh tế Bình Định trực thuộc UBND tỉnh Bình Định. Tên gọi Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh Bình Định từ tháng 5/1994 theo Quyết định số 1188/QĐ-UB, ngày 07/4/1994 của UBND tỉnh Bình Định.

- Trung tâm GDNN tỉnh: Thành lập trên cơ sở hợp nhất Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và Giới thiệu việc làm thanh niên Bình Định, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp Hội Liên Hiệp Phụ nữ tỉnh, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và Hỗ trợ nông dân tỉnh theo Quyết định thành lập số 4756/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh Bình Định về việc thành lập Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp Bình Định.

b) Quá trình phát triển phát triển:

Trung tâm GDNN-GDTX tỉnh với gần 50 năm hoạt động đào tạo, bồi dưỡng đã có trên 7 vạn học viên tham gia các khóa bồi dưỡng cập nhật nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ. Đã có trên 36.000 học viên tốt nghiệp các khóa đào tạo Đại

học, Cao đẳng, Trung cấp đang công tác ở các cơ quan, đơn vị từ xã phường đến huyện, tỉnh. Nhiều người trong số đó đã và đang giữ vị trí là cán bộ chủ chốt của tỉnh và huyện, nhưng đông đảo nhất là đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn nghiệp vụ của các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế đang hoạt động trên địa bàn tỉnh, đã góp phần:

- Đưa kiến thức khoa học, kỹ thuật, chuyên môn nghiệp vụ từ nhiều trường đại học về địa phương, phục vụ thiết thực nhu cầu học tập của đội ngũ cán bộ, viên chức và người lao động trên địa bàn tỉnh.

- Tạo cơ hội học tập nâng cao trình độ cho đông đảo cán bộ, viên chức và người lao động để thích ứng với nhu cầu công tác, việc làm ngày càng nâng cao trong điều kiện mới.

- Đào tạo gắn với sử dụng tại chỗ (vừa làm vừa học), tức là đào tạo theo địa chỉ và nhu cầu thiết thực của người học, là một giải pháp hiệu quả về xây dựng xã hội học tập.

- Chuẩn hóa trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đông đảo cán bộ viên chức, người lao động trên địa bàn tỉnh.

- Người chưa có việc làm, trong quá trình học tập hoặc sau khi tốt nghiệp có cơ hội tìm việc làm hoặc tự tạo việc làm thuận lợi hơn.

Từ thực tiễn nêu trên có thể khẳng định Trung tâm GDNN - GDTX là một mô hình, giải pháp hiệu quả để thực hiện chủ trương xã hội hóa giáo dục, phổ cập kiến thức, nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, tạo cơ hội cho mọi người được tiếp cận với giáo dục để hòa nhập với cộng đồng.

Trung tâm GDNN - GDTX tỉnh hiện nay là đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên nhóm 3 (tỷ lệ 63,32%), hoạt động theo “Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên”.

Trong các năm học qua, tập thể VC-GV-NLĐ luôn đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và sự lãnh đạo, chỉ đạo của cơ quan quản lý giáo dục cấp trên; hoạt động của Trung tâm luôn đảm bảo theo Quy chế thực hiện dân chủ tại cơ sở.

- Tình hình học sinh qua các năm:

+ Năm học 2024-2025:

Khối lớp	Số lượng học sinh	HỌC LỰC/HỌC TẬP							
		Tốt/Giỏi		Khá		Đạt/Trung bình		Chưa đạt/Yếu	
		Số HS	%	Số HS	%	Số HS	%	Số HS	%
10	219	5	2.28%	24	10.96%	139	63.49%	51	23.29%
11	167	5	2.99%	33	19.76%	115	68.86%	14	8.38%
12	177	15	8.47%	161	90.96%	1	0.56%	0	0.00%
Toàn trường	563	25	4.44%	218	38.72%	255	45.29%	65	11.55%

Khối lớp	Số lượng học sinh	HẠNH KIỂM/RÈN LUYỆN							
		Tốt		Khá		Đạt/Trung bình		Chưa đạt/Yếu	
		Số HS	%	Số HS	%	Số HS	%	Số HS	%
10	219	55	26.48%	57	26.03%	99	45.21%	5	2.28%
11	167	71	42.51%	62	37.13%	29	17.37%	5	32.99%
12	177	129	72.88%	35	19.77%	13	7.34%	0	0.00%
Toàn trường	563	258	45.83%	154	27.35%	141	25.04%	10	1.78%

Tỷ lệ tốt nghiệp THPT năm 2025: 98%

+ Năm học 2025-2026:

Khối lớp	Số lượng học sinh	HỌC LỰC/HỌC TẬP							
		Tốt/Giỏi		Khá		Đạt/Trung bình		Chưa đạt/Yếu	
		Số HS	%	Số HS	%	Số HS	%	Số HS	%
10	428	18	4,21%	108	25,23%	222	51,87%	80	18,69%
11	467	60	12,85%	202	43,25%	177	37,90%	28	6,00%
12	447	139	31,10%	289	64,65%	19	4,25%	0	0,00%
Toàn trường	1342	217	16,17%	599	44,63%	418	31,15%	108	8,05%

Khối lớp	Số lượng học sinh	HẠNH KIỂM/RÈN LUYỆN							
		Tốt		Khá		Đạt/Trung bình		Chưa đạt/Yếu	
		Số HS	%	Số HS	%	Số HS	%	Số HS	%
10	428	245	57,24%	108	25,23%	69	16,12%	6	1,40%
11	467	337	72,16%	108	23,13%	19	4,07%	3	0,64%
12	447	406	90,83%	38	8,50%	3	0,67%	0	0,00%
Toàn trường	1342	988	73,62%	254	18,93%	91	6,78%	9	0,67%

Tỷ lệ tốt nghiệp THPT năm 2026: 91,74%

- Các Tổ chức đoàn thể trong nhà trường.

+ Đoàn TN: Trực thuộc Đoàn Thanh niên Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai

+ Công đoàn cơ sở: Trực thuộc Công đoàn Ủy ban nhân phường Quy Nhơn Nam gồm 67 đoàn viên.

- Các tổ chức, đoàn thể luôn được đơn vị tạo điều kiện thuận lợi để hoạt động có hiệu quả.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

Người đại diện pháp luật: Hồ Trung Phong

Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ nơi làm việc: 107A Thanh Niên, phường Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai

Số điện thoại: 0256. 38921737

Email: phong.ttgdtxbd@gmail.com

phonght-gdnntxt@sgddt.gialai.gov.vn

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có)

- Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên tỉnh Gia Lai được thành lập tại Quyết định số 3412/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc thành lập Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên tỉnh Gia Lai trên cơ sở sáp nhập Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên tỉnh Gia Lai và Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Quy Nhơn.

- Quyết định phân công viên chức quản lý, Giám đốc Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên tỉnh, thời gian bổ nhiệm kể từ ngày 15/10/2024 tại Quyết định số 301/QĐ-GDĐT ngày 23/7/2025 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Gia Lai.

c) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

* Quy chế tổ chức hoạt động:

Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên tỉnh hoạt động theo Quyết định số 1077/QĐ-UBND ngày 30/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên tỉnh Gia Lai;

* Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục:

Trung tâm là đơn vị công trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, tổ chức và hoạt động theo Thông tư số 01/2023/TT-BGDĐT ngày 06/1/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

* Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục:

Tổng số VCNLĐ của Trung tâm : 67 người, bao gồm:

- Ban giám đốc: Giám đốc và 4 Phó Giám đốc;

- Tổ chuyên môn, nghiệp vụ: Tổ Hành chính-Quản trị; Tổ Liên kết Đào tạo, Bồi dưỡng; Tổ Giáo dục thường xuyên; Tổ Đào tạo Nghề nghiệp.

- Các tổ chức trong đơn vị: Chi bộ Đảng là hạt nhân lãnh đạo toàn diện, cùng tổ chức Công đoàn cơ sở, Đoàn TNCS.

* Cơ sở vật chất:

- Cơ sở chính: Diện tích 13.646 m²

+ Số phòng học: 53

+ Hội trường: 01

+ Phòng máy tính: 03

+ Số phòng chức năng: 6

+ Thư viện: 01

+ Phòng nghỉ giáo viên: 06

- Cơ sở 2: Diện tích 12.121 m²

+ Số phòng học: 13

+ Hội trường: 01

+ Thư viện: 01

+ Số phòng chức năng: 05

+ Ký túc xá: 16

+ Phòng nghỉ giáo viên: 03

- Đạt kiểm định chất lượng giáo dục: Cấp độ 2 tại Quyết định số 3486/QĐ-SGDĐT ngày 25/9/2023 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Định.

đ) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo trung tâm

STT	Họ tên	Chức vụ	Số điện thoại	Thư điện tử
1	Hồ Trung Phong	Giám đốc	0907403952	phong.ttgdtxbd@gmail.com

Địa chỉ nơi làm việc:

- Cơ sở 1: 107A Thanh Niên, phường Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai

- Cơ sở 2: Tổ 6, khu phố 5, phường Quy Nhơn Bắc, tỉnh Gia Lai

7. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

1. Quy chế dân chủ ở cơ sở: Quyết định số 155/QĐ-GDNNTX, ngày 17/5/2026

2. Quy chế làm việc: Quyết định số 156/QĐ-GDNNTX, ngày 17/5/2026

3. Quy chế tiếp công dân, giải quyết khiếu nại: Quyết định số 204/QĐ-GDNNTX, ngày 11/6/2026

4. Quy tắc ứng xử trong Trung tâm: Quyết định số 207/QĐ-GDNNTX, ngày 11/6/2026

5. Quy chế chi tiêu nội bộ 2026: Quyết định số 108/QĐ-TTGD TX, ngày 09/4/2026

6. Quy chế Quản lý tài sản trung tâm, Quyết định số 273/QĐ-TTGD TX, ngày 17/8/2026

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo vị trí việc làm và trình độ được đào tạo

STT	Tên vị trí việc làm	Số lượng người làm việc được giao/phê duyệt		Số lượng người làm việc hiện có				
		Được giao	Tự chủ	Tổng cộng	Viên chức từ nguồn được giao	Viên chức từ nguồn tự chủ	HĐLĐ Chuyên môn nghiệp vụ	HĐLĐ hỗ trợ, phục vụ
I.	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý							
1	Giám đốc		1	1		1		
2	Phó Giám đốc	3	2	5	3	2		
II.	Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành							
1	Giáo viên GDTX							
1.1	Giáo viên biên chế	27	5	29	24	5		
1.2	Giáo viên hợp đồng			5			5	
1.3	Giáo viên thỉnh giảng			27			27	
2	Giáo viên GDNN							
2.1	Giáo viên biên chế	8	3	11	8	3		
2.2	Giáo viên hợp đồng							
2.3	Giáo viên thỉnh giảng							
III.	Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung							
1	Kế toán	1	1	2	1	1		
2	Văn thư, thủ quỹ..	1	1	2	1	1		
3	Thiết bị		1	2		1	1	
4	Quản trị công sở	1	1	1	1	1		
5	Giáo vụ	1		1	1			
6	Tư vấn học đường		1	1		1		
IV.	Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ							
1	Bảo vệ			3			1	2
2	Phục vụ.			4			2	2
	Tổng cộng	42	16	99	39	16	36	4

2. Số lượng, tỉ lệ giáo viên, cán bộ quản lý hoàn thành bồi dưỡng thường xuyên theo quy định

- CBQL: Hoàn thành: Tỉ lệ: 100%
- Giáo viên: Hoàn thành: Tỉ lệ: 100%

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

TT	Trung tâm	Diện tích đất (m ²)	Diện tích bình quân (m ² /HS)	Đạt yêu cầu theo quy định
1	107A Thanh Niên	13.646	60	X
2	Tổ 6, Khu phố 5	12.121		

2. Số lượng, hạng mục thuộc các khối phòng hành chính quản trị; khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em; khối phòng tổ chức ăn (áp dụng cho các cơ sở giáo dục có tổ chức nấu ăn); khối phụ trợ; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

- Cơ sở 1: 107A Thanh Niên, phường Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai

TT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích (m ²)	Đạt yêu cầu theo quy định
I	Diện tích sử dụng			
1	Phòng Giám đốc	1	21	
2	Phòng Phó Giám đốc	1	21	
3	Phòng Hành chính – Quản trị	1	43	
4	Phòng Đào tạo nghề nghiệp	1	43	
5	Phòng Giáo dục thường xuyên	1	21	
6	Phòng bảo vệ	1	15	
7	Phòng y tế	1	21	
8	Phòng học	26	1.740	
9	Thư viện	1	50	
10	Phòng thực hành máy tính	2	135	
11	Phòng họp	1	43	
12	Khu vệ sinh	6	250	
13	Nhà để xe	2	42	
14	Nhà nghỉ giáo viên	6	322	
15	Hội trường	1	273	
II	Thiết bị dạy học, sách giáo khoa..	<i>(bộ)</i>		
1	Tivi led, máy chiếu	27		
2	Máy Photocopy	2		
3	Cassette bluetooth, USB	18		
4	Máy tính để bàn thực hành	70		
5	Máy tính làm việc	18		
6	Máy tính laptop	5		
7	Máy quay camera	1		
8	Sách giáo khoa 10, 11, 12	6		
9	Sách giáo viên	2		
10	Sách tham khảo	2		
11	Thiết bị dạy học tối thiểu	6		

- Cơ sở 2: Tổ 6, khu phố 5, phường Quy Nhơn Bắc, tỉnh Gia Lai

TT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích (m ²)	Đạt yêu cầu theo quy định
I	Diện tích sử dụng			
1	Phòng họp Hội đồng	1	60	
2	Phòng Hội trường nhỏ	1	60	
3	Phòng khách	5	30	
4	Hội trường	1	200	
5	Phòng thư viện	1	50	
6	Phòng làm việc chức năng	3	50	
7	Phòng làm việc Ban Giám đốc	3	25	
8	Phòng lưu trữ hồ sơ	2	25	
9	Phòng học tích hợp	13	50	
10	Nhà xưởng thực hành nghề	1	761,28	
11	Nhà ăn	1	334,56	
12	Ký túc xá 2 tầng	16	385,42	

II	Thiết bị dạy học			
1	Máy vi tính để bàn FPT Elead Ed8100VH2	7		
2	Máy vi tính FPT Elead Ed8100VH3	1		
3	Máy tính xách tay Acer	2		
4	Máy điều hòa Sharp	10		
5	Bảng Led điện tử 3 màu	1		
6	Bộ âm thanh Hội trường	1		
7	Máy chiếu đa năng Vivitek BX571 & Màn chiếu 100 inch	1		
8	Tivi Sony 55inch	1		
9	Tủ lạnh Panasonic - inverter 255 L	1		
10	Tủ bếp Inox lưu động	2		
11	Cầu nâng di động	1		
12	Máy cắt con rùa Model: CG1-30	1		
13	Máy cắt Plasma Model: Super P8-100	1		
14	Máy cuộn 1 kim 3 chỉ PEGASUS	2		
15	Máy đánh bọ hiệu Yong Gong	2		
16	Máy đánh bọ hiệu Yong Gong	2		
17	Máy gấp tôn (dày 1,5mm; rộng 1,2mm)	1		
18	Máy hàn CO2	2		
19	Máy hàn MIG/MAG + Rùa chạy bằng nam châm điện. Model: NBC 500	1		
20	Máy photocopy Xe Rox	1		
21	Máy tiện vạn năng	2		
22	Máy vắt sợi 1 kim 3 chỉ JukiMo	2		
22	Máy vắt sợi 2 kim 4 chỉ JukiMo	2		
23	Máy vắt sợi 2 kim 5 chỉ JukiMo	4		
24	Bàn hút, cầu là	2		
25	Máy chiếu (Projector)	1		
26	Máy đính bọ	1		
27	Máy đính cúc	1		
28	Máy ép mex	1		
29	Máy hàn điện tử MMA	6		
30	Máy hàn MAG (MIG)	5		
31	Máy hàn TIG	5		
32	Máy khoan đứng (khoan côn 1m4)	2		
33	Máy may 1 kim	40		
34	Máy thừa khuyết	1		
35	Máy vắt gấu	1		
36	Máy vắt sợi 5 chỉ	1		

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá:

Thực hiện Kế hoạch số 232/KH-TTGD TX, ngày 30/12/2022 về kế hoạch tự đánh giá chất lượng giáo dục, kết quả đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2.

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục:

Trung tâm đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2, công nhận tại Quyết định số 3486/QĐ-SGDĐT ngày 25/9/2023 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Định.

3. Kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hàng năm

Xây dựng Kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá theo năm học.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục trong năm học

a) Kế hoạch hoạt động tuyển sinh, trong đó quy định rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan: Kế hoạch tuyển sinh được thông báo trên Cổng thông tin điện tử đơn vị.

1. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước

a) Kết quả tuyển sinh năm học 2025-2026:

+ Chương trình giáo dục thường xuyên:

Người học	Đơn vị tính	Tổng số				Công lập			
		Tổng số	Nữ	Dân tộc thiểu số		Tổng số	Nữ	Dân tộc thiểu số	
				Tổng	Nữ			Tổng	Nữ
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
chương trình GDTX cấp THPT	học viên	1,342	565	9	6	1,342	565	9	6
Tổng số học viên	học viên	1,342	565	9	6	1,342	565	9	6
Học viên bỏ học	học viên	111	33	1		111	33	1	
Học viên lưu ban	học viên	108	24			108	24		
Học viên tốt nghiệp THPT	học viên	400	149	3	1				
- Số hv có đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp	học viên	447	159	3	1	447	159	3	1

+ Chương trình liên kết đào tạo năm học 2025-2026:

Hệ đào tạo	Năm học 2025-2026		Tuyển mới		Tốt nghiệp		Chuyển sang năm sau
	Số lớp	Số HV	Số lớp	Số HV	Số lớp	Số HV	
CD, ĐH hệ VLVH	31	1 029	3	195		241	871
Đại học Từ xa	2	435	2	82			400
Trung cấp nghề (GDTX)	23	599	12	380		0	525
Giáo dục nghề nghiệp	18	379	18	519			519
Bồi dưỡng chứng chỉ	5	125	5	209	5	207	0
TỔNG CỘNG	77	2567	40	1385	5	448	2315

b) Thống kê kết quả đánh giá theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (đối với chương trình giáo dục thường xuyên)

- Kết quả học tập 2025 - 2026

Khối lớp	Số lượng học sinh	HỌC LỰC/HỌC TẬP							
		Tốt/Giỏi		Khá		Đạt/Trung bình		Chưa đạt/Yếu	
		Số HS	%	Số HS	%	Số HS	%	Số HS	%
10	428	18	4,21%	108	25,23%	222	51,87%	80	18,69%
11	467	60	12,85%	202	43,25%	177	37,90%	28	6,00%
12	447	139	31,10%	289	64,65%	19	4,25%	0	0,00%
Toàn trường	1342	217	16,17%	599	44,63%	418	31,15%	108	8,05%

- Kết quả rèn luyện

Khối lớp	Số lượng học sinh	HẠNH KIỂM/RÈN LUYỆN							
		Tốt		Khá		Đạt/Trung bình		Chưa đạt/Yếu	
		Số HS	%	Số HS	%	Số HS	%	Số HS	%
10	428	245	57,24%	108	25,23%	69	16,12%	6	1,40%
11	467	337	72,16%	108	23,13%	19	4,07%	3	0,64%
12	447	406	90,83%	38	8,50%	3	0,67%	0	0,00%
Toàn trường	1342	988	73,62%	254	18,93%	91	6,78%	9	0,67%

c) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh được trúng tuyển vào các cơ sở nghề nghiệp, trúng tuyển vào đại học

- Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình: 447; Tỷ lệ: 100%

- Số học sinh được cấp bằng tốt nghiệp: 400/436; Tỷ lệ: 91.74%

- Đa số học sinh sau khi tốt nghiệp THPT tham gia học tập tại các Trường trung cấp, Cao đẳng nghề, Đại học trên cả nước (*chưa thống kê được*).

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định của pháp luật, trong đó có các khoản thu, chi hoạt động như sau:

Các căn cứ:

- Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ về Quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

- Nghị Quyết số 12/2025/NQ-HĐN, ngày 27/10/2025 về quy định mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục dân lập, tư thục trên địa bàn tỉnh Gia Lai từ năm học 2025-2026;

- Thu theo các hợp đồng liên kết đào tạo đối với các lớp liên kết đào tạo, bồi dưỡng, dịch vụ và phục vụ.

Đơn vị tính: đồng

TT	NỘI DUNG	NĂM HIỆN TẠI (2025)	NĂM TRƯỚC LIÊN KÊ
A	CÁC KHOẢN THU	15.143.460.651	13.405.167.603
1	Ngân sách nhà nước hỗ trợ	1.892.018.291	51.991.036
	<i>Trong đó:</i>		
1.1	Ngân sách nhà nước giao tự chủ tài chính	427.493.196	51.991.036
1.2	Ngân sách nhà nước giao không tự chủ tài chính	1.464.525.095	
1.3	Ngân sách nhà nước hỗ trợ khác		
2	Nguồn thu	13.251.442.360	13.353.176.567
	<i>Trong đó:</i>		
2.1	Học phí GDTX	442.390.000	801.400.000
2.2	Thu khác (liên kết đào tạo, thu hoạt động tài chính, ...)	12.809.052.360	12.551.776.567
3	Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đáp ứng nhu cầu người học		
B	CÁC KHOẢN CHI		
B.1	Ngân sách nhà nước hỗ trợ	1.892.018.291	51.991.036
1	Chi lương và thu nhập cho CB, GV, NV và người lao động	886.255.196	43.391.036
2	Chi hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ	249.238.000	5.450.000
3	Chi cơ sở vật chất và mua sắm thiết bị dạy học	479.480.000	
4	Chi khác	269.889.207	3.150.000
B.2	Chi phí	5.674.676.909	7.099.360.282
1	Chi lương và thu nhập cho CB, GV, NV và người lao động	1.719.540.385	1.956.177.154
2	Chi hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ	3.502.199.387	4.493.497.335
3	Chi cơ sở vật chất và mua sắm thiết bị dạy học		89.532.700
4	Chi thực hiện nghĩa vụ nhà nước (thuế TNDN)	339.822.168	342.544.037
5	Chi khác	113.114.969	217.609.056
B.3	Chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đáp ứng nhu cầu người học		
1	Tiền dạy thêm, học thêm		

2. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học

- Trung tâm đã thực hiện miễn học phí 100% đối với học viên GDTX cấp THPT từ năm học 2025-2026 theo nghị định Nghị định số 238/2025/NĐ-CP, ngày 03/9/2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Nghị Quyết số 12/2025/NQ-HĐN, ngày 27/10/2025 về quy định mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục dân lập, tư thục trên địa bàn tỉnh Gia Lai từ năm học 2025-2026. Tổng kinh phí thực hiện miễn giảm học phí từ nguồn NSNN học kỳ 1 năm học 2025-2026 là 708 triệu đồng chẵn.

3. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có):

Đơn vị tính: ngàn đồng

TT	NỘI DUNG	NĂM HIỆN TẠI 2025	NĂM TRƯỚC LIÊN KÊ
1	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	18.969.129.390	17.025.511.211
2	Quỹ bổ sung thu nhập	300.931.157	
3	Quỹ khen thưởng	464.607.850	405.664.350
4	Quỹ phúc lợi	45.323.434	224.949.878
5	Nguồn cải cách tiền lương	1.994.261.660	2.184.383.407

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

- Kết quả đánh giá xếp loại Chi bộ hằng năm: Hoàn thành tốt nhiệm vụ.
- Kết quả đánh giá xếp loại Công đoàn cơ sở hằng năm: Hoàn thành tốt nhiệm vụ.
- Kết quả đánh giá xếp loại Đoàn thanh niên hằng năm: Hoàn thành tốt nhiệm vụ.
- Kết quả đánh giá xếp loại về An ninh trật tự hằng năm: Xuất sắc.

Trên đây là báo cáo công khai của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên tỉnh Gia Lai./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT (báo cáo);
- Ban Giám đốc;
- Các Tổ CMNV;
- Trang TTĐT đơn vị;
- Lưu: VT.



GIÁM ĐỐC

Hồ Trung Phong